HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20/2024/NQ-HĐND	*Phú Thọ, ngày 11 tháng 12 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; danh mục công trình, dự án đưa ra khỏi các nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 5122/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Tờ trình số 5257/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất.

1. Danh mục các công trình, dự án đăng ký mới

Tổng số 281 dự án với diện tích 636,376 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 189,69 héc ta; đất rừng đặc dụng 1,88 héc ta; đất rừng phòng hộ 19,2 héc ta; đất rừng sản xuất 125,366 héc ta và diện tích các loại đất khác 300,24 héc ta. Chi tiết từng huyện, thành, thị như sau:

- Thành phố Việt Trì 15 dự án với diện tích 50,61 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 5,8 héc ta; đất rừng sản xuất 0,46 héc ta và các loại đất khác 44,35 héc ta.

- Thị xã Phú Thọ 17 dự án với diện tích 37,52 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 19,96 héc ta; đất rừng sản xuất 0,1 héc ta và các loại đất khác 17,46 héc ta.

- Huyện Cẩm Khê 36 dự án với diện tích 44,2 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 13,67 héc ta; đất rừng sản xuất 10,83 héc ta và các loại đất khác 19,7 héc ta.

- Huyện Đoan Hùng 21 dự án với diện tích 56,78 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 41,19 héc ta; đất rừng sản xuất 4,42 héc ta và các loại đất khác 11,17 héc ta.

- Huyện Hạ Hòa 18 dự án với diện tích 38,87 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 15,52 héc ta; đất rừng sản xuất 11,55 héc ta và các loại đất khác 11,8 héc ta.

- Huyện Lâm Thao 11 dự án với diện tích 7,75 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 2,41 héc ta và các loại đất khác 5,34 héc ta.

- Huyện Phù Ninh 07 dự án với diện tích 21,96 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 11,91 héc ta; đất rừng sản xuất 4,05 héc ta và các loại đất khác 6,0 héc ta.

- Huyện Thanh Ba 32 dự án với diện tích 78,67 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 25,39 héc ta; đất rừng sản xuất 8,2 héc ta và các loại đất khác 45,08 héc ta.

- Huyện Tam Nông 08 dự án với diện tích 16,63 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 7 héc ta và các loại đất khác 9,63 héc ta.

- Huyện Thanh Thủy 20 dự án với diện tích 65,69 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 5,02 héc ta; đất rừng sản xuất 10,15 héc ta và các loại đất khác 50,52 héc ta.

- Huyện Thanh Sơn 26 dự án với diện tích 102,55 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 20,82 héc ta; đất rừng đặc dụng 1,88 héc ta; đất rừng phòng hộ 2,6 héc ta; đất rừng sản xuất 57,33 héc ta và các loại đất khác 19,92 héc ta.

- Huyện Tân Sơn 07 dự án với diện tích 61,09 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 5,54 héc ta; đất rừng phòng hộ 16,6 héc ta; đất rừng sản xuất 3,2 héc ta và các loại đất khác 35,75 héc ta.

- Huyện Yên Lập 30 dự án với diện tích 22,43 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 6,09 héc ta; đất rừng sản xuất 9,08 héc ta và các loại đất khác 7,26 héc ta.

- Các dự án xây dựng công trình điện trên địa bàn các huyện, thành, thị 33 dự án với diện tích 31,63 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 9,37 héc ta; đất rừng sản xuất 5,996 héc ta và các loại đất khác 16,264 héc ta.

2. Danh mục các công trình, dự án đăng ký lại

Tổng số 241 dự án với tổng diện tích 1.267,84 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 485,49 héc ta; đất rừng đặc dụng 3,0 héc ta; đất rừng phòng hộ 4,0 héc ta; đất rừng sản xuất 339,54 héc ta và các loại đất khác là 435,8 héc ta để tiếp tục thực hiện.

3. Danh mục các công trình, dự án đang thực hiện tại các Nghị quyết đã được HĐND tỉnh thông qua còn hiệu lực nhưng phải điều chỉnh, bổ sung

Tổng số 123 dự án với diện tích 849,54 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 184,76 héc ta; đất rừng đặc dụng 0,02 héc ta; đất rừng phòng hộ 0,08 héc ta; đất rừng sản xuất 211,56 héc ta và các loại đất khác là 453,12 héc ta.

(Chi tiết có các biểu số 01 và biểu số 1.1 đến 1.14 kèm theo).

Điều 2. Thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất đưa ra khỏi các nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực

Tổng số 24 dự án với diện tích 53,15 héc ta, trong đó: Đất trồng lúa 24,73 héc ta; đất rừng sản xuất 0,75 héc ta và các loại đất khác là 27,67 héc ta.

(Chi tiết có biểu số 02 kèm theo).

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024, có hiệu lực từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Thông qua danh mục các dự án quốc phòng- an ninh, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ chấp thuận/.

Nơi nhận:
- UBTVQH, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ TN&MT);
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, CTHĐ[1].

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Bùi Minh Châu